

QUYỀN 100

Pháp sư Nghĩa Tướng ở Nhật Bản giải thích kinh Hoa Nghiêm: “Nên biết một bộ kinh Hoa Nghiêm tuy có thất xứ cửu hội nhưng chính yếu tại phẩm Thập Địa. Vì sao ? Vì căn bản thu nhiếp hết các pháp; tuy có phân ra Thập địa mà chủ yếu nơi Sơ địa, vì sao ? Vì chẳng khởi một địa nhiếp khắp công đức của tất cả địa. Trong một địa tuy phân nhiều thứ chẳng đồng nhưng chỉ tại một niệm, vì sao ? Vì ba đời, chín đời là một niệm; vì tất cả là một nên cũng như một niệm, nhiều niệm cũng thế. Một tức là tất cả, một niệm tức nhiều niệm, pháp đà-la-ni chủ bạn làm thành nhau, một là chủ, tất cả là bạn; tùy nêu một pháp gồm nhiếp tất cả, cho đến một văn, một câu gồm nhiếp tất cả. Vì sao ? Nếu không có đây thì kia chẳng thành pháp đà-la-ni, vì pháp như thị. Kinh nói: “Trong một lời nói, Như Lai diễn nói vô biên khế kinh như biển cả”.

Pháp sư Phục Lễ nói: “Xét về ý nghĩa của nghiệp, nghiệp do tâm khởi, tâm là tác dụng của nghiệp. Nghiệp dẫn tâm đi thọ sinh, tâm theo nghiệp mà tạo cảnh. Vậy thì do nghiệp thọ thân, thân trở lại tạo nghiệp; từ tâm tạo cảnh, cảnh trở lại sinh tâm, như bóng theo hình mà cong hay thẳng, như vang theo tiếng mà lớn hay nhỏ”.

Bài tụng Ngô Đạo của pháp sư Huệ Tập:

Phổ quang mới học đạo

Vô biên thế giới động

Xoay trời và chuyển đất

Đều vào một lỗ lông.

Pháp sư Hoàng Duyệt nói: “Nếu người chấp ngoài tâm chúng sinh riêng có vô tình, Phật tính chẳng khắp đều trái với nghĩa Như Lai tạng đầy khắp pháp giới. *Luận Duy Thức* nói: “Căn thân, khí thể gian chính là tướng phần của a-lại-da, tướng phần chẳng là kiến phần”.

Lại nói:

Nếu lúc nơi sở duyên

Trí đều vô sở đắc

*Vì là tướng hai thú
Chân thật trụ duy thức.*

Như thức thú sáu duyên tâm hiện lại chỉ một sát-na thì cái gì là năng sở. Cho dù duyên ba đời cũng là tâm hiện lại vọng phân năng sở. Nếu được ý này sao chẳng phù hợp lý tam giới duy tâm, pháp giới nhất tướng”.

Pháp sư Trần Khải nói: “Một niệm tịnh tâm vi tế như hạt cải, sum la vạn tượng như núi Tu-di. Vạn tượng tuy rất nhiều mà phải biến khởi từ nhất tâm, là ngoài tâm hoàn toàn không có pháp, đây là nhiếp tướng theo tâm, nói là núi tu-di trong hạt cải”.

Pháp sư Nguyên Khang nói: “Nói về ngộ nhập, Như Lai thuyết tám vạn bốn nghìn pháp; nói về chí lý không có đạo nào khác. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Nhất đạo xuất sinh tử”; kinh Niết-Bàn nói: “Nhất đạo thanh tịnh”; kinh Đại Phẩm nói: “Nhất tướng vô tướng”; kinh Tịnh Danh nói: “Pháp môn bất nhị”. Luận nói:

*Tự biết chẳng tùy người
Lặng lẽ không hí luận
Không khác, không phân biệt
Đây gọi là thật tướng.*

Là chỗ hướng về của các bậc hiền, các nghĩa đồng quy về, đều chỉ cho thật đạo của nhất tâm.

Đại sư Trí Giả viết thư cho Trần Tuyên Đế: “Pháp học đạo trước hết phải biết căn nguyên, cầu đạo do tâm. Lại nữa, cần biết thể tính của tâm phân minh không mê hoặc, công nghiệp mới thành. Một rõ nghìn biết, một mê muôn lầm, tâm không hình tướng, chẳng ở trong ngoài, cảnh khởi tâm sinh, cảnh mất tâm diệt, sắc lớn tâm lớn, sắc nhỏ tâm nhỏ; cho đến biết tâm không tịch liền vào pháp môn không tịch; biết tâm vô phược liền vào pháp môn giải thoát; biết tâm vô tướng liền vào pháp môn vô tướng; biết tâm vô tâm liền vào pháp môn chân như. Nếu có thể biết tâm như thế liền vào pháp môn tri tuệ”. Bài tựa của *Viên Giác Sớ* nói: “Những gì thuộc về khí huyết ắt có biết, hễ có biết ắt phải đồng thể, đây gọi là chân tịnh

minh diệu rộng suốt linh thông, tồn tại độc lập cao vót. Cội nguồn của chúng sinh nên gọi là tâm địa; chỗ chứng đắc của chư Phật nên gọi là bồ-đề; giao triệt dung nhiếp nên gọi là pháp giới; tịch tĩnh thường lạc nên gọi là niết-bàn; chẳng nhơ chẳng rỉ nên gọi là thanh tịnh; chẳng vọng chẳng biến nên gọi là chân như; lìa lỗi dứt quấy nên gọi là Phật tính; gìn thiện ngăn ác nên gọi là tổng trì; ẩn che gồm nhiếp nên gọi là Như Lai tạng; siêu việt huyền bí nên gọi là mật nghiêm quốc; gồm các đức mà đầy đủ, trừ các tội tã mà độc chiếu nên gọi là viên giác; kỳ thật đều là nhất tâm.

Trái đó là phàm, thuận đó là Thánh, mê đó là sinh tử bắt đầu, ngộ đó là luân hồi chấm dứt, gần gũi tìm cầu đó là chỉ quán định tuệ, suy xét rộng lớn đó là lục độ vạn hạnh; theo đó làm trí sau đó là chính trí, y đó làm nhân sau đó là chính nhân, kỳ thật đều là một pháp.

Trọn ngày viên giáo mà chưa từng viên giác là phàm phu; muốn chứng viên giác mà chưa tột viên giác là Bồ-tát; trụ trì viên giác mà đầy đủ viên giác là Như Lai. Lìa viên giác không có lục đạo, bỏ viên giác không có tam thừa, phi viên giác không Như Lai, bất viên giác không chân pháp, kỳ thật đều là nhất đạo.

Chư Phật ba đời chứng đắc là chứng việc này; Như Lai vì đại sự xuất hiện trên đời chính là vì việc này; ba tạng mười hai bộ loại kinh đều tuyên nói việc này”.

Giải thích: Một pháp tâm gọi là phổ pháp, muốn soi chiếu tâm này cần phải phổ nhãn rộng soi tịch chiếu linh tri, chẳng phải thiên tiểu có thể nghiên cứu đến chỗ cùng tận, bởi viên mãn mà hay giác nên gọi là viên giác, đây là y cứ vào năng chứng. Chân như diệu tính tịch diệt vô vi, đầy đủ trùm khắp không khuyết giảm nên gọi là viên giác, đây là y cứ vào sở chứng. Năng sở thâm hợp chỉ là nhất tâm. Nhất tâm này là tính của tất cả muôn pháp, lại hay hiện tướng của tam thừa lục đạo, nhiếp tướng quy tính từng không có đường lối khác, thế gian và xuất thế gian lên xuống tuy khác nhưng hễ có các

thứ tạo tác đều là nhất tâm; lìa nhất tâm thì trên không có tam bảo nhất thừa, dưới không có tứ sinh cử hữu.

Lăng Già Kinh Quyết của Đai Sơn Thích Cái nói: “Nói tóm tắt đại chỉ của Phật pháp là tâm, do đó kinh Lăng Già lấy tâm làm chính tông, cho nên kinh nói “Phật nói tâm là tông, vô môn là pháp môn”. Nói tâm là tâm Phật nói; nói tông là chỗ chân thật của tâm”.

Lại nói: “Mê thì muôn phiền não trói buộc tâm, ngộ thì lý chân thật soi sáng pháp giới; mê thì sinh tử rối rắm, ngộ thì niết-bàn thường tịch. Mê giải tuy khác nhưng đều là nhất tâm ẩn hiển”.

Pháp sư Tam Tạng nói: “Chúng sinh là cội Phật của Bồ-tát, xét kỹ sáu thức là quả xứ cứu cánh, nhưng người mê trọn ngày sống trong mê lầm”.

Tam Tạng Bạt-đà nói: “Lý tâm nghĩa là tâm chẳng ngoài lý, lý chẳng ngoài tâm, tâm tức là lý, lý tức là tâm; tâm lý bình đẳng gọi là lý; lý chiếu sáng suốt gọi là tâm giác; tâm lý bình đẳng gọi là Phật tâm. Người thể hội thật tính chẳng thấy sinh tử và niết-bàn khác biệt, phàm Thánh không khác, cảnh trí nhất như, lý sự dung nhau, chân tục cùng quán, viên thông vô ngại gọi là tu đại đạo”.

Thích Đạo Thế nói: “Tứ thiên không hình tượng, tam đạt đều không, thiên Phật khác dấu, nhất trí tâm đồng”.

Hoa Nghiêm Sớ của hòa thượng Trùng Quán nói: “Từ trước đến nay các môn cho đến vô tận chẳng lìa nhất tâm, nhất tâm là pháp giới. Cho nên *Khởi Tín* nói: “Pháp là tâm chúng sinh”. Tâm thể là đại, bản trí của tâm là phương quảng, quán tâm khởi hạnh là Hoa Nghiêm, biết tính tướng của tâm chính là Phật. Giác chẳng phải bên ngoài đến, vì toàn đồng sở giác nên lý trí chẳng khác biệt. Lý trí hình đạt, song vong tịch chiếu thì niệm niệm đều là tính hải Hoa Nghiêm, vật ngã đều như, tiêu tan đồng bình đẳng, vì người chưa liễu ngộ khiến rõ tự tâm; nếu biết chạm vật đều là tâm mới rõ tâm tính. Cho nên phẩm Phạm Hạnh nói: “Biết tất cả pháp là tự tính của tâm, thành tựu tuệ thân chẳng do người khác mà ngộ”. Nhưng hiện tại người học pháp phần nhiều bỏ bên trong mà tìm cầu bên ngoài,

người tu thiên thích quên duyên mà soi chiếu bên trong, đây đều là thiên chấp, đều kẹt hai bên. Tâm cảnh như như thì bình đẳng vô ngại. Người xưa từng mài hai mặt gương để soi một ngọn đèn có đặt một pho tượng mà ánh sáng lớp lớp giao nhau, Phật Phật vô tận, thấy rằng hễ tâm cảnh soi chiếu lẫn nhau, bản trí song nhập, trong tâm biết cảnh vô tận, trên cảnh rõ tâm khó tư nghì, tâm cảnh trùng trùng, trí chiếu nơi đây.

Lại tức tâm rõ Phật của cảnh giới, tức cảnh thấy Như Lai duy tâm, tâm Phật trùng trùng mà bản giác tính nhất. Năm bất chẳng được thì tâm cảnh đều bật, chiếu soi chẳng cùng thì lý trí xen suốt. Tâm cảnh đã vậy, cảnh cảnh hướng vào nhau, tâm tâm xem xét lẫn nhau, vạn hóa sai biệt nhưng thấy đều nhất trí. Chỉ chúng mới tương ưng nên gọi là Phật Hoa Nghiêm”.

Giải thích: Người đời nay chỉ hiểu tức tâm là Phật, tâm này làm Phật, chẳng biết tức cảnh là Phật, cảnh này làm Phật. Hiện tại nói lấy “như” làm Phật, tâm cảnh đều như thì tâm như là Phật, cảnh như há chẳng phải sao ?

Lại tâm có tâm tính hay làm Phật, cảnh có tâm tính đâu chẳng làm Phật ? Bởi tâm thu nhiếp cảnh thì trong tâm thấy Phật là Phật của cảnh giới; vì cảnh thu nhiếp tâm thì trong cảnh thấy Phật là Như Lai duy tâm.

Hoa Nghiêm Cảm Quan nói: “Quán tâm giải thích Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh, nếu y cứ giáo tuyên bày nghĩa thì có nhiều môn, nếu chẳng gom về nhất tâm thì đối với ngã có can dự gì ? Đại là thể của tâm, vì tâm thể vô biên nên gọi là đại. Phương là tướng của tâm, vì tướng đầy đủ các pháp nên gọi là phương.

Quảng là dụng của tâm, vì có cái dụng xứng với thể. Phật là quả của tâm, vì là nơi giải thoát của tâm nên gọi là Phật. Hoa là nhân của tâm, là chỗ dẫn dắt tu hành của tâm nên gọi là hoa. Nghiêm là công của tâm, vì tâm hay trang sức khéo léo nên gọi là nghiêm. Kinh là giáo của tâm, vì tâm khởi danh ngôn, thuyên bày nghĩa lý nên gọi là kinh. Nhưng một chữ tâm tuy chẳng phải tất cả

mà có thể là tất cả. Quán trong ba đại có đủ bốn pháp giới; đổi lại bốn pháp giới nên thành bốn quán, pháp vốn như thế nên y pháp mà quán. Nếu y theo đây ngộ giải thì niệm niệm chính là pháp giới Hoa Nghiêm, niệm niệm chính là pháp giới Tỳ-lô-giá-na”.

Triệu Luận Chú ghi: “Gần mà chẳng thể biết chỉ là tính của vật sao ?” Thượng Thư nói: “Trời sinh vạn vật chỉ có người là linh”. Hữu tình, vô tình là vạn vật, linh là tính của tâm, cũng là tính của vạn vật, là tính không của vật, mắt chạm mà chẳng thể xa, tuy gần mà chẳng thể biết. Cho nên luận nói: “Xa chẳng thể thấy như dấu chim trong hư không, gần mà chẳng thể thấy như thuốc trong con mắt”. Xa dụ cho chí đạo ba a-tăng-kỳ, gần dụ cho ngay cái chân thật mà chẳng thấy.

Những lời dạy của chư Tổ trình bày quanh co được dẫn ra ở trên có thể dứt hẳn hoài nghi, thành tựu niềm tin lớn, như thần châu trong tay, bảo ấn ngay tâm, trước mắt chư Phật thường hiện, dưới lời pháp giới chẳng lìa. Thế nên từ ban đầu nêu tông, nơi nhất tâm diễn xuất vô lượng danh nghĩa, vô lượng danh nghĩa chẳng ngoài lý trí. Vì chẳng phải lý nào chẳng trí nên ngoài lý không có trí; vì chẳng phải trí nào chẳng lý nên ngoài trí không có lý. Nhiếp trí theo lý, lìa thể vô dụng; nhiếp dụng quy thể, thể tính tự lìa, cho nên thể tức phi thể, là tất cả pháp như tính hư không, tính hư không cũng không, rốt ráo tịch diệt. Cái diệt này cũng diệt, vì chẳng biết lấy gì để nói nên gượng gọi là chân tâm vô tận. Nay trở lại thu nhiếp vô lượng nghĩa hải, đều quy về một câu cho đến không câu. Một chữ, một chấm khép mở tự tại, chẳng động nhất tâm, rốt ráo chỉ cho quy về lời nói suy nghĩ bất dứt. Lại đây là nội chứng tự tâm chân tính, pháp môn bình đẳng tuyệt đãi vô y.

Như *Hoa Nghiêm Sớ Sao* nói: “Ngộ tất cả pháp tự tính bình đẳng là vào tính chân thật của các pháp, nghĩa là trong tính chân thật không có tướng sai biệt, không có các thứ tướng, không có vô lượng tướng, vạn pháp nhất như làm sao có sự chẳng đồng! Tính chân thật này nương vào cái gì mà lập ?

Lại nữa minh chứng pháp vô y, đó là chẳng nương vào sắc, chẳng nương vào không. Nếu muôn pháp nương vào không, không không thể nương; nay muôn pháp nương vào chân, chân không thể nương, là pháp môn vô y, cho nên xả ly thế gian. Thế gian có các thứ sai biệt, đây là tính còn chẳng lập hướng là tướng! Cũng chẳng y không lập sắc, cũng chẳng y sắc lập không, cũng không dị không bất dị, không tức không bất tức, cái thấy này liền dứt, gượng gọi là nội chứng.

Hỏi: Những sự giải thích, dẫn chứng trên đều là lời của chư Phật, sao chẳng tự mình nói ?

Đáp: Nếu ta tự nói tất cả mờ mịt không thể tìm ra bờ bến thì đâu có sự hỏi đáp! Những lời dạy của chư Phật đều là nói theo ý người tùy thuận thời cơ, vì vậy Thế Tôn nói: “Pháp của chư Phật ba đời tuyên nói, trong bốn mươi chín năm ta chẳng thêm một chữ”. Lại kinh nói: “Phật trước đã nói, Phật sau tùy thuận”. Nếu có thể thông đạt như thế thì biết Phật nói là tự nói, tự nói là Phật nói. Cho nên Bồ đề sư nói: “Tất cả kinh thư ngoại đạo đều là Phật nói, chẳng phải ngoại đạo nói”. Lại nói: “Thích-ca Như Lai nói không khác Đê-bà-đạt-đa nói”. Nếu đối với việc này chẳng tin chẳng rõ, đều thành nhị kiến, thường khởi tướng phân biệt phàm Thánh, luôn sinh tình chấp thủ xả tự tha, muôn nói tiếp tông của ta, không có việc ấy.

Hỏi: Trước nêu tông, đã nói nhiều về ý chỉ duy tâm, vì sao trong mười pho, mỗi quyển lập đi lập lại quanh co ?

Đáp: Đây là môn bí yếu, là pháp khó tin, càng sâu càng tinh tế khó hiểu khó biết, đều ôm ấp nghi tình, ở mãi trong mê lầm. Nghi nghĩa là đối với chân lý do dự, hay chướng các điều thiện. Nghi có nhiều thứ, nói đại lược có ba: một là nghi chính mình, nghĩa là mình chẳng thể nhập lý; hai là nghi thầy, nghĩa là thầy chẳng khéo chỉ giáo; ba là nghi pháp, nghĩa là đối với giáo lý là khiến xuất ly hay là không xuất ly. Như người mắc bệnh mà nghi chính mình, nghi thầy thuốc, nghi thuốc thì bệnh không thể nào hết. Nếu có đủ ba điều

nghe trên trọn chẳng thể quyết định tín nhập. Nay những điều Tông Cảnh ghi lại đều thẳng thắn xả bỏ phương tiện chỉ nói đạo vô thượng, tùy nghe một pháp đều hợp viên tông, thật có thể dứt nghi sâu thành niềm tin lớn. *Thanh Lương Ký* nói: “Nghĩa là nghe nói không chớ nghi đoạn, vì là không của tức sự chẳng phải đoạn diệt; nghe nói có chớ nghi thường, vì chẳng phải nhất định tính có từ duyên có; nghe nói cùng thị chớ nghi lưỡng phân, vì chỉ song chiếu hai để không có hai thể; nghe nói cùng phi chớ nghi vô cứ, vì chỉ ngăn lỗi khiến cho chẳng chấp trước. Lại nghe nói không chớ nghi hữu, vì là không của tức hữu; nghe nói hữu chớ nghi không, vì là hữu của tức không, nghe nói cùng thị chớ nghi cùng phi, vì tức phi hữu vô là hữu vô; nghe nói cùng phi chớ nghi cùng thị, vì tức hữu vô là phi hữu vô. Đây là biết rõ nhất tâm, mọi hoài nghi liền dứt thì có chẳng thể có, không chẳng thể không, phàm chẳng thể phàm, Thánh chẳng thể Thánh thì làm sao ngôn ngữ thị phi của thể gian có thể mê hoặc được ?

Như *kinh Phật Tạng* nói: “Phật bảo ngài Xá-lợi-phất: Núi chúa Tu-di cao lớn chẳng ?

- Bạch Thế Tôn, cao lớn!

- Xá-lợi-phất, trong bốn thiên hạ tuôn đá lớn như núi Tu-di, có người dùng tay hứng lấy đá này không cho rơi lọt như hạt cải, ý ông thế nào, có hy hữu chẳng ?

- Bạch Thế Tôn, rất hy hữu!

- Xá-lợi-phất, tất cả các pháp Như Lai nói vô sinh, vô diệt, vô tướng, vô vi khiến người tin hiểu hy hữu gấp bội. Xá-lợi-phất, ví như có người đặt tất cả chúng sinh trong tay trái, tay phải nâng giữ núi sông cỏ cây trong ba nghìn thế giới, đều có thể khiến cho tất cả chúng sinh đều vui mừng, ý ông thế nào có hy hữu chẳng ?

- Bạch Thế Tôn, rất hi hữu!

- Xá-lợi-phất, tất cả các pháp Như Lai nói vô sinh, vô diệt, vô tướng, vô vi khiến người tin hiểu hi hữu gấp bội”.

Lời lẽ trong Tông Cảnh sử dĩ trước sau trích dẫn nhiều, chỉ vì tâm này sâu kín nên khó tin, bí mật nên khó biết; thậm chí Bồ-tát đại trí còn phải nhờ Phật lực gia hộ hưởng là kẻ thiên cận hạ liệt làm sao có thể biết? Như *kinh Bảo Vũ* ghi: “Phật dạy: Làm thế nào Bồ-tát tin sâu ý nghiệp bí mật của Như Lai? Nếu chư Bồ-tát nghe nói ý nghiệp bí mật của Như Lai cho rằng Như Lai có pháp nghĩa ý lạc y chỉ nơi tâm, y tâm mà trụ. Tất cả Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác và các hữu tình không thể biết, chỉ trừ sự gia trì của Như Lai”. Thế nên tuy trước trích dẫn, sau minh chứng, văn rộng, nghĩa nhiều thì trong nói năng mà lợi ích căn cơ, trong lắng nghe mà đổi mới tai mắt thì làm sao nhằm chán sự lập đi lập lại khởi tâm khinh mạn. Do đó Bồ-sư nói: “Đi đứng ngồi nằm thường nói diệu pháp”. Lại nói: “Trong đêm đắc đạo và đêm niết-bàn ta thường nói bát-nhã”. Thế nên căn cơ có chặm lụt, lạnh lẽo thì niềm tin có cạn sâu, trước khi nghe huân tập nhưng chưa kiên cố, sau khi nghe huân tập rồi mới thể nhập. *Luận Đại Trí Độ* nói: “Ví như rung cây nhặt quả, quả chín rụng trước, quả chưa chín phải rung cây thêm nữa. Lại như bắt cá, lưới trước để thoát thì lưới sau sẽ được”.

Lại nói: “Tướng bát-nhã ba-la-mật này sâu xa khó hiểu khó biết, Phật biết tâm chúng sinh căn có lợi độn, người độn căn trí kém nên vì họ nói đi nói lại. Còn bậc lợi căn một lời hai lời liền ngộ, chẳng cần nhiều lời, ví như ngựa hay đánh một roi liền chạy, ngựa dở đánh nhiều roi mới đi. Vì những lý do ấy nên trong kinh nói đi nói lại không có lỗi.

Hỏi: Trên đây luôn nói nhân duyên sâu xa của bát-nhã ba-la-mật, nay vì sao lại nói nữa?

Đáp: Nơi nơi nói sâu xa, phần nhiều có sự lợi ích, phàm phu chẳng biết cho là trùng thuyết. Ví như đại quốc vương chưa có con nối dõi, cầu cúng thần linh nhiều năm không kết quả. Khi vua xuất hành, phu nhân sinh được bé trai liền sai người báo tin cho vua. Vua nghe được vui mừng nhưng chẳng đáp. Tàu đến mười lần mà vua chẳng nghe thấy, sứ giả lại tâu: Thần thưa việc ấy vua chẳng

nghe sao ? Vua nói: Ta nghe chứ! Điều mong ước lâu nay đã mãn nguyện, trong lòng vui mừng nên ta muốn nghe mãi.

Vua ra lệnh quan hữu ty ban thưởng cho sứ giả trăm vạn lượng vàng. Một lời nói thưởng mười vạn lượng. Vua nghe sứ giả nói: Mỗi lần nói đều có lợi ích. Chẳng phải là lặp đi lặp lại, người chẳng biết cho là lặp đi lặp lại.

Nơi nơi nói sâu xa cũng như thế, Phật và Bồ-tát Tu-bồ-đề biết pháp ấy vô cùng lợi ích. Tu-bồ-đề nghe Phật nói bát-nhã thậm thâm chẳng thể thấu đạt nên càng nghe càng tỉnh giác sâu xa. Càng nghe càng thấm nhuần sâu, được thiên định, trí tuệ, lợi ích v.v... phàm phu cho là trùng thuyết, như nhà vua nghe một lời có nhiều lợi ích nên ban thưởng mười vạn lượng vàng. Đây là tăng trưởng cội rễ sinh tử thành tựu thức lạc. Nay nghe Tông Cảnh trong mỗi quyển, mỗi lời trùng trùng xướng đạo, mỗi mỗi nêu tông, tăng trưởng gốc rễ bồ-đề, thành tựu pháp lạc, cả đại địa là vàng ròng, chưa thù đáp một chữ, chẳng sinh lòng nhàm chán sự nghe mãi khiến người đã thông đạt càng kiên cố lòng tin, khiến người chưa vào chóng phát văn tuệ.

Hỏi: Nghe môn Tông Cảnh này còn phải học tập chẳng ?

Đáp: Vẫn học tập, đại khái có hai nghĩa:

Một là nếu luận đại tông, chính trí căn bản chẳng từ tâm học, chẳng tại ý tư, viên minh liễu trí chẳng do tâm niệm. Cho nên *Thai giáo* nói: “Tay chẳng cầm quyển kinh mà thường đọc kinh này, miệng không thốt lời mà tụng khắp các kinh điển, Phật chẳng thuyết pháp mà luôn nghe Phạm âm, tâm chẳng tư duy mà chiếu khắp pháp giới”. Đây luận về bậc căn khí thượng thượng nghe liền đốn ngộ, đích thân tự chứng.

Hai là nếu chưa tỉnh ngộ cũng có sức trợ giúp, công ấn khả, hoặc căn tính chậm lụt, cho đến trung căn, hạ phẩm và những người học trí môn sai biệt cần phải nương vào minh sư để phân biệt tà chính; trước do nghe hiểu để tín nhập, sau đó nhờ vô tư mà khế đồng, cần được vật vật viên thông, sự sự vô trệ, mới là gặp duyên,

đôi cảnh không mất chỉ mê tông, vì thế nói “hội vạn vật làm tự kỷ, đâu chỉ có Thánh nhân?”. Nếu căn cứ đại cương cần phải tự tỉnh, dù có tương trợ cũng chỉ cho tự biết.

Như có học nhân hỏi tiên đức:

- Thế nào là thiên ?

- Ngộ tự lý là thiên.

- Tâm tính như lý chỉ là giả danh. Cái gì là thật ?

- Có ba a-tăng-kỳ trăm nghìn danh hiệu chỉ giả dối lập bày, thật tướng vô tướng như hư không, cần phải tự phản tỉnh.

Hỏi: Sau khi ngộ còn có pháp gì ?

Đáp: Chỉ cái ngộ này là pháp, từ duyên phát minh trở lại được tự lý.

Hỏi: Tính này có thể chỉ cho người thấy chăng ?

Đáp: Chỉ dạy ông tự tỉnh ngộ liền được, chẳng phải việc mắt thấy, tai nghe, ý biết. Tính chân tinh diệu minh này chẳng giống hư không, gỗ, đá. Thiên sinh linh diệu bất tư nghì là tự tính Phật Pháp Tăng. Nếu chẳng ngộ mà tìm cầu muốn thấy một mảy cũng chẳng thể được, chỉ cần xa lìa tiền trần đẹp xấu chính là bản tâm nhà mình. Nếu một mảy chẳng dứt sạch mà được Phật đạo thì không có việc ấy.

Hỏi : Thấy sắc chỉ là sắc làm sao thấy tâm ?

Đáp: Hãy tư duy xem cái gì thấy sắc.

Hỏi: Đâu chẳng phải đương cảnh, hoàn toàn chẳng nên muốn thấy ?

Đáp: Tự suy nghĩ xem nó là phải hay chẳng phải, chớ hỏi người khác. Nếu ngay đó thấy, chẳng còn so đo, Phật pháp chỉ ở tại tâm, ngoài tâm bật dầu vệt. Chỉ là nhất tâm một trí tuệ lìa trong ngoài khoảng giữa, nắm lấy lý huyền ba thuở liền vào đạo vô vi.

Hỏi: Ngộ tâm gì là đạo ?

Đáp: Ngộ tâm vô tâm chính là đạo.

Hỏi: Xin chỉ giáo cho ?

Đáp: Đã chỉ dạy rồi mà ông tự chẳng thấy.

Hỏi: Dạy người học thấy vật gì ?

Đáp: Dạy ông ngay đó thấy cũng chẳng phải vật.

Lại, tiên đức hỏi: Hiện nay thấy vật gì ?

Đáp: Thấy bản tâm.

Hỏi: Cái thấy và bản tâm là khác hay chẳng khác ?

Đáp: Chẳng khác. Trên thể chân như tự có chiếu dụng, vì sáng suốt nên được gọi là thấy, vì chẳng động nên được gọi là tâm. Tự tính thanh tịnh gọi là chiếu, thường thấy tự tính gọi là dụng. Cho nên biết tâm này hiển bày trước mắt cần gì hỏi đáp, đâu nhờ suy xét là môn viên mãn, là pháp thành hiện.

Có học nhân hỏi quốc sư Tuệ Trung: Thế nào là tâm giải thoát ?

Đáp: Tâm giải thoát xưa nay tự có, nhìn chẳng thấy, lắng chẳng nghe, nắm chẳng được, chúng sinh dùng hàng ngày mà chẳng biết. Đây là chỉ thẳng chạm mắt là đạo, xưa nay thường nhiên, phàm Thánh đều có. Những điều Tông Cảnh ghi chép đều là lời Phật nói, cho dù có Bồ-tát chế tác, pháp sư giải thích cũng là đạt ý của Phật, thuận theo lời Phật. Bởi chúng sinh ở cõi này đều nhờ văn tuệ vào tam-ma-địa nên cần phải lấy âm thanh làm Phật sự hiện bày chính nghĩa phá trừ tà chấp, chẳng phải lời nói chẳng thông. Đây có hai nghĩa:

1- Y cứ môn tất cảnh thì thật sự không thể nói, như luận Khởi Tín nói: “Tất cả các pháp từ xưa đến nay là tướng ngôn thuyết, là tướng danh tự, là tướng tâm duyên”. Lại nói: “Lại nữa rất ráo là vọng chấp”. Nên biết pháp nhiệm, pháp tịnh đều là đối đãi nhau không có tự tướng để nói, thế nên tất cả pháp từ xưa đến nay phi sắc, phi tâm, phi trí, phi thức, phi hữu, phi vô, rất ráo không thể nói mà có ngôn thuyết. Nếu biết Như Lai khéo dùng phương tiện dùng ngôn thuyết dẫn dắt chúng sinh. Những người được chỉ thú đều là là niệm trở về chân như, vì niệm tất cả pháp khiến tâm sinh diệt chẳng vào thật trí. Đây là dẫn dắt tất cả người mới phát tâm bồ-đề

khiến họ được tự lợi, thành tựu lý hạnh, trở về thật trí rốt ráo chỉ quy Tông Cảnh.

2- Y cứ môn phương tiện là hạnh lợi tha, nên nói Như Lai khéo dùng phương tiện mượn ngôn thuyết dẫn dắt chúng sinh, lại chẳng thể cứ mãi chấp phát ngôn là quấy, khởi niệm thành lỗi. Vì sao ? Vì tức ngôn vô ngôn, tức niệm vô niệm, đây là biết ngôn ngôn khế đạo, niệm niệm quy tông. Môn phân biệt đều là nhị thuyết, môn tất cánh thì lời nói và suy nghĩ dứt tuyệt.

Hỏi: Ý nghĩa nhất tâm được thành lập trên đây hay nhiếp vô lượng pháp môn dung thông tất cả, tâm này hay bao gồm tất cả pháp hay sinh tất cả pháp, hay là tự sinh, tha sinh, cộng sinh, vô nhân sinh ?

Đáp: Tâm này chẳng dọc, chẳng ngang, phi tha, phi tự. Vì sao ? Nếu nói tâm bao gồm tất cả pháp chính là ngang dọc; nếu nói tâm sinh tất cả pháp chính là dọc; nếu nói tự sinh tâm chẳng sinh tâm; nếu nói tha sinh đã chẳng được tự làm sao có tha; nếu nói cộng sinh tự tha đã không lấy gì làm cộng; nếu nói vô nhân sinh có nhân còn chẳng sinh hưởng là không nhân.

Hỏi: Tâm chẳng phải bốn tính trong giáo tại sao nói ý căn sinh ý thức, tâm như người họa sĩ, không gì chẳng từ tâm tạo tác đây là tự sinh. Lại nói: Tâm chẳng riêng khởi, phải nhờ duyên mới khởi, có duyên tư tưởng mới sinh, không duyên tư tưởng chẳng sinh đây là tha sinh. Lại nói: Sáu xúc do duyên sinh sáu thọ tạo ra tất cả pháp đây là cộng sinh. Lại nói: Mười hai nhân duyên chẳng phải Phật, trời, người, tu-la làm ra, tính nó tự như thế đây là vô nhân sinh. Những thứ trên thuộc giáo lý tại sao trở thành lỗi ?

Đáp: Chư Phật tùy duyên sai biệt vì chúng sinh sinh điều thiện phá điều ác khiến họ nhập đệ nhất nghĩa lý, đây đều là tứ tất-đàn phương tiện đặt bày, nắm tay không gạt trẻ con dẫn dụ để độ tất cả.

Hỏi: Đã chẳng phải ngang dọc, chẳng rơi vào bốn tính thì tất cả pháp là tâm, tâm là tất cả pháp chẳng ?

Đáp: Nếu đúng thì thành hai.

Hỏi: Như thế thì chẳng lập tất cả, đều là phi chẳng ?

Đáp: Phi cũng thành hai. Như Văn-thù nói: Ta thật là Văn-thù mà không phải Văn-thù. Nếu là phải thì có hai Văn-thù, nhưng hiện tại ta chẳng phải không là Văn-thù. Trong ấy thật không có hai tướng thị phi.

Hỏi: Đã không có hai tướng, tông chỉ là một chẳng ?

Đáp: Thị phi đã trái đại chỉ, một hai lại trái viên tông.

Hỏi: Làm thế nào được khế hợp ý chỉ này ?

Đáp: Cảnh trí đều bật làm sao nói khế hợp.

Hỏi: Như vậy thì đường ngôn tư dứt, nẻo tâm trí tuyệt.

Đáp: Đây cũng là gượng nói, xoay chuyển theo ý người, tuy muốn ấn hình mà chưa mất dấu.

Hỏi: Làm thế nào hình dấu đều mất ?

Đáp: Vốn không có dấu vết làm thế nào để mất.

Hỏi: Như thế thì như người uống nước lạnh nóng tự biết, lúc đại ngộ mới khế hợp ý chỉ này ?

Đáp: Trong môn này cũng không mê ngộ, hợp và chẳng hợp đạo lý. Buông tay tự ông không một vật, uống công nói mãi ngàn lần. Việc này muôn thứ chẳng thể sánh, nghìn Thánh chẳng quyết định được, đại địa chử chẳng nổi, hư không bao chẳng trọn, chẳng phải bậc đại khí thì không thể gánh vác. Như cổ đức nói: “Cả mười phương thế giới tìm một người làm bạn chẳng được”. Lại nói: “Chỉ có một người kế thừa Tổ vị, trọn không có người thứ hai”. Nếu chưa đích thân đến uống công suy tư, cho dù nói huyền trong huyền, nói diệu trong diệu. Nếu dùng phương tiện ở trong môn xưng dương giúp người tín nhập ca ngợi một bên thì chẳng đúng. Nếu trên phận sự của mình, lúc đích thân chiếu soi riêng tự nói huyền nói diệu khởi một niệm thù thắng bất khả tư nghì đều rơi vào ma giới. Do đó *kinh Viên Giác* nói: “Tâm hư ngụy có nhiều xảo kiến chẳng thể thành tựu viên giác”. Tiên đức có bài kệ:

Đắc mà chẳng đắc thiên ma đắc

Huyền mà lại huyền ngoại đạo huyền

*Từ bỏ mẹ cha vào thôn xóm
Nhận lá của người làm tiền vàng
Đầu sào trăm trượng sớm buông tay
Chẳng cần nhìn trước lại nhìn sau.*

Ngày nay chỉ cần thợ như dấu vết hình tướng ngôn ngữ văn vẻ đều là chấp môn phương tiện mê đạo chân thật, đó là nhận lá vàng của người cho là tiền vàng. Lúc đại ngộ như gieo mình trên đầu sào trăm trượng không còn nhìn ngó trước sau. Trong Tông Cảnh này là chỗ buông bỏ thân mạng của tất cả phàm Thánh; chẳng vào tông này đều chẳng phải cứu cánh.

Hỏi: Thế nào là cứu cánh ?

Đáp: Cũng không cứu cánh.

Hỏi: Trước nói chẳng vào tông này đều chẳng phải cứu cánh, đây tại sao nói là không cứu cánh ?

Đáp: Trước là đối với người tăng thượng mạn chưa đắc cho là đắc, cho hư vọng là chân thật, chấp điên đảo thành viên thường, vì phá tình trần tạm gọi là cứu cánh. Nay bàn về thấy tính đầu nói đến chân thật!

Hỏi: Sau khi đã thông suốt làm sao thực hành ?

Đáp: Dạy ai thực hành!

Hỏi: Đều thành đoạn diệt chẳng ?

Đáp: Còn chẳng được thường trụ, làm thế nào đoạn diệt ?

Hỏi: Xin cho một lời sau cùng!

Đáp: Người biến hóa.

Hỏi: Nhà ảo thuật, tiếng vang trong hang vắng.

Đáp: Tiếng suối. Muốn đạt tông chỗ ta, trâu đất đi trên nước.

Hỏi: Bộ lục này sưu tầm sơ lược và vi tế, lý sự viên minh, đối với người mộ đạo được lợi ích gì ?

Đáp: Trong đệ nhất nghĩa không lợi không công đức, trong môn thế đế dường như có xung dương gồm có hai trường hợp có thể lợi ích người mới học:

1- Vì người chưa tin làm cho thành tựu chính tín, đưa về một niệm chẳng tìm cầu bên ngoài.

2- Vì người đã tin giúp thành tựu quán lực, lý hạnh kiên cố chóng chóng bờ-đề, bước bước chẳng vướng trên hành trình đến bảo sở, niệm niệm chảy vào biển tát-bà-nhã, như cưỡi xe to lớn đi đến bảo thành, ngồi thuyền bền chắc lên bờ giác ngộ.

Hỏi: Học tập Tông Cảnh này có công đức gì ?

Đáp: Pháp môn đại uy đức bất tư nghì này chỉ có kiến văn được nhiều thiện lợi, như một hạt bụi rơi trên đỉnh núi cao thì đã đến tận mây xanh, một giọt sương rơi vào biển cả liền đồng tính ướt. Đây gọi là nối tiếp giống bờ-đề, toàn sinh vào nhà chư Phật hướng là tín giải thọ trì chính niệm quan sát, vì người phô diễn truyền bá thực hành. Y cứ môn thiện lợi không có pháp tỷ dụ, công đức vô lận chẳng phải chúng trí thì chẳng thể so lường; lợi lạc vô cùng hơn cả thái hư chẳng có bờ mé. Đem trên bảo đây hư không cúng dường Hằng sa Như Lai, giáo hóa mười phương chúng sinh đều chứng quả Bích-chi Phật. Nếu chưa hoằng tuyên ý chỉ này, khai diễn tông này, vì sự giáo lượng này chẳng thể so sánh, đây gọi là gieo hạt giống Phật trên đất ruộng chúng sinh, nảy chồi chính pháp trong vũng bùn tham dục phiền não, sau đó hoa thất giác chi nở, quả bờ-đề thành, uyển chuyển tương sinh đến vô tận. Như *Hoa Nghiêm Thám Huyền Ký* ghi: “Trong pháp để lại, thấy nghe tin hướng về pháp vô tận này thành chúng tử kim cương sẽ được phổ pháp viên dung này. Như kinh nói: “Dụ như nuốt kim cương, dụ như lửa nhỏ thiêu đốt rộng lớn”. Lại như thiên tử Đâu-suất ra khỏi địa ngục chúng đắc Thập địa vô sinh nhẫn, uyển chuyển lợi ích chẳng thể cùng tận, đều do ngày trước nghe pháp này làm bản nhân”.

Tụng rằng:

Tuy ở trong biên cả

Hay ở trong kiếp hỏa

Quyết định tin không nghi

Hẳn được nghe kinh này.

Luận Đại Trí Độ nói: “So sánh công đức thọ trì bát-nhã, do đó giữ gìn chính ức niệm là tối thắng. Ngày nay chư Phật thương xót chúng sinh nên vì họ giải thích nghĩa ấy cho dễ hiểu, tốt nhất là tự thực hành chính ức niệm. Khi ấy, Phật muốn phân biệt rõ ràng phước đức nên nói: nếu có người đem cả thân mạng cúng dường mười phương Phật chẳng bằng phước đức vì người giải nói nghĩa bát-nhã. Trong đây nói về nhân duyên thù thắng, chư Phật ba đời đều học bát-nhã thành đạo vô thượng, cho đến giáo hóa Hằng hà sa người trong thế giới khiến đắc đạo Thanh văn, Bích-chi Phật, chẳng bằng vì người khác diễn nói nghĩa bát-nhã ba-la-mật. Trong đây nói về nhân duyên, là các bậc Thánh hiền đều từ bát-nhã ba-la-mật lưu xuất”.

Cho nên *kinh Thủ Lăng Nghiêm* nói: “Phật bảo ngài A-nan: Nếu có người đem bảy báu đầy khắp mười phương hư không dâng cúng chư Phật nhiều như vi trần, phụng sự cúng dường tâm không dối trá. Ý ông thế nào? Người này do nhân duyên cúng dường Phật được phước nhiều chăng?”

A-nan đáp: Hư không vô tận, trần bảo vô biên. Ngày xưa có chúng sinh cúng Phật bảy đồng tiền, sau khi chết còn được ngôi vị Chuyển luân vương, huống là hiện tiền khắp hư không và khắp cõi Phật đều cúng dường trần bảo, cùng kiếp còn chẳng thể tư nghì, phước này làm sao có bờ mé?

Phật bảo ngài A-nan: Lời của chư Phật Như Lai không hư vọng. Nếu có người vi phạm bốn tội trọng, mười ba-la-di chỉ trong hơi thở trải qua địa ngục a-tỳ từ phương này đến phương nọ cho đến cùng tận mười phương vô gián, có thể trong một niệm đem pháp môn này trong đời mạt kiếp khai thị người chưa học, tội chướng của người ấy ứng niệm tiêu diệt, biến nhân khổ nơi địa ngục thành cõi nước an lạc, được phước nhiều hơn cúng dường ở trên gấp trăm ngàn vạn ức lần. Như vậy cho đến toán số thí dụ chẳng thể được. Do đó khen ngợi hoằng truyền kinh điển này lợi ích vô biên”. *Kinh Thủ*

Lăng Nghiêm lấy Như Lai tạng tâm làm tông. Như Lai tạng là thức a-lại-da thứ tám.

Kinh Mật Nghiêm có bài kệ:

Như Lai thân tịnh tạng

Thế gian a-lại-da

Như vàng và nhân tay

Uyển chuyển không sai biệt.

Do chư Phật liễu ngộ nên thành thân tịnh tạng, loài dị sinh chấp trước nên thành a-lại-da. Như vàng ròng tùy theo người thợ kim hoàn và lò lửa trở thành nhân đeo tay tên gọi sai khác, tạo thành tướng huyền tròn bé nhưng thể vàng chẳng động, danh tướng bày nhiều thứ. Chân tâm tùy theo duyên nhiễm tịnh của chúng sinh mà thành tên gọi phàm Thánh sai biệt, hiện tướng huyền thẳng trầm, tâm tính chẳng động, danh tướng vốn không, nhận giả danh chợt phân nhị kiến, ngộ chân thể viên chứng nhất tâm. Mê ngộ là ngay dưới lời, pháp dụ sáng tỏ nơi trước mắt. Mê thì nhiều kiếp tu hành uổng công, đạt thì đương thể ngưng tịch.

Kinh Pháp Hoa nói: “Sau khi ta diệt độ có thể trộm vì người nói kinh Pháp Hoa cho đến một câu, phải biết người này là sứ giả của Như Lai, Như Lai sai việc làm Như Lai, hướng là trong đại chúng rộng vì người nói”. Trộm vì một người, trộm nghĩa là riêng tư, nếu riêng chỉ vì một người nói một câu kinh, người này từ trong nhất tâm chân như sai đến làm sứ giả chỉ dạy loài dị sinh trực liễu lý nhất như tức là thực hành việc trong chân như, vì chân như vô biên đến tất cả chỗ nên pháp lợi có được cũng tùy theo tính chân như vô lượng vô tận.

Lại nói: “Nên biết người này ngủ chung với Như Lai, được Như Lai xoa đầu, cho đến vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, ngồi tòa Như Lai”. Nói tóm lại, người trì kinh này trong bốn oai nghi nhắc chân hạ chân đều chẳng lìa hành xứ của chư Phật, nhất tâm chân như.

Kinh Ương-quật-ma-la nói: “Trong quá khứ có người từng gặp chư Phật cúng dường phụng sự, nghe Như Lai tạng trong khoảng

khảy ngón tay tạm được thính thọ, do nghiệp thiện này các căn thuần thực, sinh ra được phú quý tự tại thù thắng. Chúng sinh ấy nay vẫn thuần thực sinh ra được phú quý tự tại thù thắng, do vì ngày trước từng gặp chư Phật tạm được nghe Như Lai tạng. (...) Phật bảo Ương-quật-ma-la: Chẳng phải Như Lai là việc khó bậc nhất mà còn có việc khó khác. Nay Ương-quật-ma-la, ví như có người gánh vác núi chúa Tu-di, quả đất, biển lớn trải qua trăm nghìn năm, đây là người có sức mạnh lớn, là việc khó bậc nhất chăng ?

Ương-quật-ma-la bạch Phật: Đây là cảnh giới Như Lai, chẳng phải Thanh văn và Bích-chi Phật đến được.

Phật bảo Ương-quật-ma-la: Người ấy chẳng phải có sức mạnh lớn, chẳng phải việc quá khó sao! Nếu đem một hạt bụi trong biển lớn làm trăm ức phần, trăm nghìn ức kiếp đem một hạt bụi đi, cho đến biển sắp cạn khô, còn lại chút nước như dầu chân trâu, lại có thể gánh vác núi chúa Tu-di, đất đai, sông, biển trăm nghìn ức kiếp, nhưng chẳng thể ở nơi chính pháp trụ thế tám mươi năm diễn nói Như Lai tạng thường hằng bất biến của Như Lai. Chỉ có người hùng trong hàng Bồ-tát có thể nói Như Lai tạng thường hằng bất biến của Như Lai, hộ trì Chính pháp, ta nói người này đang làm việc khó nhất”.

Phẩm Hiện Bảo Tháp trong *kinh Pháp Hoa* nói: “Như đem núi Tu-di ném qua vô số cõi Phật phương khác cũng chưa phải là khó; như dùng ngón chân nhấc đại thiên giới ném qua cõi nước khác cũng chưa là khó”. Lại nói: “Giả sử có người nắm lấy hư không đi dạo chơi cũng chưa là khó”. Lại nói: “Giả sử có người gánh cỏ khô vào trong kiếp thiêu mà chẳng bị cháy, cũng chưa là khó. Sau khi ta diệt độ, nếu thọ trì kinh này vì một người nói, đây là khó”. Cho nên biết lấp biển đời non chẳng phải là năng lực vô vi, cho dù đi trên hư không lướt trên mặt nước đều là thần thông hữu lậu, đâu bằng khai mở tâm của chư Phật diễn nói Như Lai tạng, tiếp nối hạt giống bồ-đề nhập môn nhất thừa, hay gá Thánh thai thành Phật tử chân chính, vì sao ? Vì được gốc, như từ nguồn được nước, do sữa được

tô. Như kinh Ương-quật-ma-la nói: “Lại nữa Văn-thù-sư-lợi, như biết sữa có tô nên tìm cách khuấy sữa, mà chẳng khuấy nước, vì không có tô. Cũng như thế Văn-thù-sư-lợi, vì chúng sinh biết có Như Lai tạng nên tinh cần trì giới tịnh tu phạm hạnh. Lại nữa Văn-thù-sư-lợi, như biết núi có vàng nên đục núi tìm vàng, mà chẳng đục cây vì trong cây không có vàng. Cũng như thế, Văn-thù-sư-lợi vì chúng sinh biết có Như Lai tạng nên tinh cần trì giới tịnh tu phạm hạnh nói tôi sẽ được thành Phật đạo. Lại nữa Văn-thù-sư-lợi, nếu không có Như Lai tạng thì uổng tu phạm hạnh, như cùng kiếp khuấy nước trộn chẳng được tô. Cho nên biết vào trong Tông Cảnh thấy Như Lai tính, đạo quả bồ-đề ứng niệm đều thành, như thuyền xuôi dòng, lửa thuận gió. Nếu trái Tông Cảnh, chẳng biết tự tâm, cho dù tu cả phước trí trộn chẳng thành tựu, như muốn được tô mà khuấy nước, lia núi đục ra vàng, cho dù trải qua ba a-tăng-kỳ quyết định chẳng thể được. Những lời ghi chép trong Tông Cảnh đều là chỗ thấy của ngũ nhãn, chỗ nói của ngũ ngữ của chư Phật; không lời nào chẳng đúng, không nghĩa nào chẳng viên, mong chờ kẻ hậu hiền quyết định tín nhập.

Kinh Nguyệt Thượng có bài kệ:

*Cho dù núi Tu-di sụp đổ
Chỗ ở Tu-la đều diệt mất
Biển cả cạn khô, trăng rơi rụng
Như Lai không bao giờ nói dối
Giả sử mười phương chúng đồng tâm
Hoặc lửa thành nước, nước thành lửa
Vô lượng công đức tối đại tôn
Lợi ích chúng sinh không nói khác.
Đại địa hư không thành hỗn độn
Trăm cõi vào trong một hạt cải
Lưới có thể dùng ngăn gió mạnh
Như Lai không bao giờ nói dối.*

Do đây thành thực truyền bá rộng rãi, công đức vô biên, lời nói và suy nghĩ chẳng đến được, thế nên *luận Duy Thức* có bài kệ:

*Tạo luận duy thức này
Chẳng phải cho ta nghĩ
Diệu cảnh giới chư Phật
Phước đức thí quần sinh.*

Đây bàn về đại chỉ chẳng phải chỗ suy nghĩ của tình thức tri giải mà là cảnh giới tuyệt diệu bất tư nghì của bậc đại giác, đem phước hoằng dương bất tư nghì vô tận này để bố thí tất cả vô lượng hàm linh trong pháp giới đồng nhập tông này, cùng lên Phật địa.

Bài kệ phát nguyện của pháp sư chủ tạng *Hoa Nghiêm Sớ* nói :

*Thệ nguyện thấy nghe cùng tu tập
Pháp Phổ Hiền viên dung vô ngại
Dù nát thân mạng trọn chẳng lìa
Tận thuở vị lai nguyện tương ưng
Đem thiện căn này đồng pháp tính
Gọi nhuần vô tận chúng sinh giới
Một niệm nhiều kiếp tu Phổ hạnh
Đều thành bồ-đề vô thượng Phật./.*
